**TRƯỜNG THCS LONG BIÊN MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**TỔ TỰ NHIÊN MÔN: Sinh học 7 - Tiết PPCT:16**

 **NĂM HỌC 2020 – 2021**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**: Kiểm tra, đánh giá việc nắm kiến thức của học sinh qua các bài đã học từ đầu năm đến nay, bao gồm: Mở đầu, Ngành Động vật nguyên sinh, Ngành Ruột khoang, Ngành Giun dẹp, Ngành Giun tròn.

**2.Kỹ năng**: Rèn luyện kĩ năng phát hiện ,vận dụng những kiến thức đã học vào bài làm, giải thích hiên tượng thực tế.

**3.Thái độ**:Yêu thích môn học,nghiêm túc trong thi và kiểm tra.

**II. MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| 1. Mở đầu | -Phân biệt động vật với thực vật. | -Hiểu được cách sắp xếp các giới ĐV trong sinh 7. |  |  |
| Số câu: 2 Số điểm: 0.5đTỉ lệ: 5% | TN: 1 câu (0.25đ) |  | TN: 1 câu (0.25đ) |  |  |  |  |  |
| 2.Ngành Động vật nguyên sinh | -Hình thức sinh sản của trùng roi xanh.- Cơ quan di chuyển của 1 số ĐVNS. |  |  | -So sánh trùng kiết lị với trùng sốt rét. |
| Số câu: 5 Số điểm: 1,25đTỉ lệ: 12,5% | TN: 4 câu (1đ) |  |  |  |  |  | TN: 1 câu (0.25đ) |  |
| 3. Ngành ruột khoang | -Hình dạng cơ thể của 1 số loài ngành ruột khoang.- Đặc điểm tế bào sinh sản ở thủy tức. | -So sánh đặc điểm giữa san hô và hải quỳ, sứa và thủy tức.-Hình thức cộng sinh ở hải quỳ. | -Vai trò lợi ích và tác hại của ngành ruột khoang. | - Giải thích tại sao khi bắt một số loài Ruột khoang cần có đồ bảo hộ. |
| Số câu: 7 câu Số điểm: 4,75đTỉ lệ: 47,5% | TN: 2 câu (0,5đ) |  | TN: 2 câu (0,5đ) | TL: 1 câu (1,5đ) |  | TL: 1 câu (2đ) | TN: 1 câu (0,25đ) |  |
| 4. Ngành Giun dẹp | - Nơi kí sinh của lá gan. | -Đặc điểm cơ thể sán lá gan.-Đại diện thuộc ngành giun dẹp. |  |  |
| Số câu: 3 Số điểm: 0,75đTỉ lệ: 7,5% | TN: 1 câu (0,25đ) |  | TN: 2 câu (0,5đ) |  |  |  |  |  |
| 5. Ngành giun tròn | -Số lượng loài thuộc ngành giun tròn.- Đặc điểm lớp cuticun ở giun đũa. | -Đặc điểm cơ thể của ngành giun đũa |  | -Giải thích vì sao y học khuyên nên tẩy giun từ 1-2 lần trong 1 năm và lí do giun khép kín vòng đời. |
| Số câu: 7 Số điểm: 2,75đTỉ lệ: 27,5% | TN:4câu (1đ) | TL: 1 câu (1đ) | TN: 1 câu (0,25đ) |  |  |  |  | TL: 1 câu (0,5đ) |
| Tổng câu: 24 Tổng điểm:10Tỉ lệ: 100% | Số câu: 12Số điểm:3 Tỉ lệ: 30% | Số câu: 1Số điểm:1 Tỉ lệ: 10% | Số câu :6Số điểm:1,5 Tỉ lệ: 15% | Số câu: 1Số điểm:1,5 Tỉ lệ: 15% | Số câu: 0Số điểm:0 Tỉ lệ: 0% | Số câu: 1Số điểm: 2Tỉ lệ: 20% | Số câu: 2Số điểm: 0,5Tỉ lệ: 5% | Số câu: 1Số điểm:0,5Tỉ lệ: 5% |

**HƯỚNG DẪN CHẤM – BIỂU ĐIỂM**

**I. Trắc nghiệm khách quan:** Mỗi câu đúng được 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **MÃ ĐỀ****CÂU** | **701** | **702** | **703** | **704** | **705** | **706** |
| **1** | C | D | B | B | D | A |
| **2** | C | C | B | A | D | C |
| **3** | B | C | A | C | B | B |
| **4** | D | A | D | B | A | A |
| **5** | D | D | C | A | B | B |
| **6** | A | A | C | A | B | D |
| **7** | D | C | B | B | A | A |
| **8** | A | B | D | D | D | D |
| **9** | C | A | D | D | A | B |
| **10** | A | D | D | C | D | C |
| **11** | B | C | C | D | C | D |
| **12** | A | D | C | A | D | B |
| **13** | D | B | A | D | C | C |
| **14** | C | A | A | A | C | D |
| **15** | B | C | A | C | B | C |
| **16** | D | B | B | C | C | A |
| **17** | B | B | B | D | A | C |
| **18** | A | B | A | B | B | B |
| **19** | B | A | D | B | A | D |
| **20** | C | D | C | C | C | A |

**II. TỰ LUẬN: (5 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** | **BIỂU ĐIỂM** |
| 1(1,5đ) | So sánh: Khác nhau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Sứa | Thủy tức |
| Hình dạng | Hình dù | Hình trụ dài |
| Vị trí lỗ miệng | Ở dưới | Ở trên |
| Di chuyển | Bằng dù (co bóp dù) | Bằng tua miệng |

 | 0,5đ0,5đ0,5đ |
| 2 (1,5đ) |  Vòng đời của giun đũa: Giun đũa 🡪trứng (theo phân ra ngoài)🡪ấu trùng (trong trứng)  🡩 🡫 bám vào thức ănRuột non lần 2 ← máu, gan, tim, phổi ← ấu trùng (ruột non lần 1) Giải thích:- Tẩy giun giúp làm giảm các loại giun có trong đường ruột gây tắc ống mật, rối loạn tiêu hóa. | 1,0đ0,5đ |
| 3 (2,0đ) | - Lợi ích:+ Làm thức ăn cho người. VD: Sứa sen.+ Là vật chỉ thị quan trọng trong nghiên cứu địa chất. VD: Hóa thach san hô.- Tác hại:+ Gây ngứa và độc cho người. VD: Sứa.+ Gây cản trở giao thông đường biển. VD: Đảo ngầm san hô**Lưu ý: HS có thể nêu lợi ích, tác hại, ví dụ khác đúng vẫn cho điểm tương đương.** | 0,5đ0,5đ0,5đ0,5đ |

 **BGH duyệt Nhóm trưởng GV ra đề**

 **Cao Thị Phương Anh Đào Thị Thanh Mai Đào Thị Thanh Mai**